TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28.02.2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông ***Nguyễn Thanh Điền***
- *Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông ***Nguyễn Hữu Đức***

2. Bà ***Lê Cẩm Huỳnh***

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà ***Trần Thị Kiều Oanh -*** Kiểm sát viên.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà ***Nguyễn Thị Nhàn*** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị ***Nguyễn Thị Thiên N*** sinh năm 1993
HKTT: khu vực L, phường X, quận T, thành phố Cần Thơ.
Trú tại địa chỉ: ấp V, xã B, huyện H, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh ***Đỗ Thanh T*** sinh năm 1991
Trú tại: khu vực L, phường X, quận T, thành phố Cần Thơ.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23.10.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên N trình bày:

Chị với anh Đỗ Thanh T tự nguyện yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới ngày 19.4.2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường X, quận T ngày 19.7.2012. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống và buôn bán tại huyện Y, tỉnh Đ.

Quá trình chung sống vợ chồng hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẽ về kinh tế gia đình nên từ tháng 8.2017 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị N yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Đỗ Thanh T.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung*: Chị yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Đối với bị đơn anh Đỗ Thanh T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý số 333/2017/TB.TLVA-HNGĐ ngày 13.11.2017; Các Thông báo hòa giải số 160/2017/TB.TA ngày 27.11.2017, số 200/2017/TB.TA ngày 14.12.2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018 ngày 22.01.2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08.02.2018 nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

./ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên N đối với anh Đỗ Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thiên N với anh Đỗ Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận T nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị N có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Thanh T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Toàn đều vắng mặt không lý do. Nên, Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh T chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8.2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay xảy ra cự cải, anh T độc đoán, gia trưởng trong vấn đề buôn bán và làm kinh tế gia đình nên từ tháng 8.2017 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị N kiên quyết ly hôn; anh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị N với anh T đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] Về con chung: Chị N khai vợ chồng không có con chung, cũng như không có con nuôi hay con riêng nào khác nên không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị N yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng với anh T, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết;

[6] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, 227, 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên N đối với bị đơn anh Đỗ Thanh T.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thiên N được ly hôn với anh Đỗ Thanh T.

2. *Về con chung*: không có.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Thiên N phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo phiếu thu số 003516 ngày 03.11.2017 được chuyển thành án phí. Chị N đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- UBND phường Tân Lộc (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền